

Bản án số: 76/2024/DS-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phụng;
- Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 289/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc T, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc T: Công Ty luật TNHH MTV ILCB; người đại diện là ông Giảng H C. Ông Giảng H C ủy quyền lại cho bà Châu Thị Ngọc N, sinh năm 2001; địa chỉ: khóm Long Hòa, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2.3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai bà Châu Thị Ngọc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen biết nên khoảng tháng 4 năm 2021 đến tháng 12/2022 bà Võ Ngọc T cho bà Nguyễn Kim C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H vay tổng số tiền 2.424.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 07/4/2021âl bà Nguyễn Kim C vay 100.000.000 đồng có làm biên nhận do bà C ký tên, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất có thỏa thuận thời gian trả là vào ngày 03/5/2021 âl.

Ngày 14/9/2022âl bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 110.000.000 đồng có làm biên nhận do bà C, ông H, bà T ký tên không thỏa thuận lãi suất nhưng có nói trả trong thời gian sớm nhất.

Ngày 21/7/2022âl bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 100.000.000 đồng có làm biên nhận do bà C, ông H, bà T ký tên, không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian trả trong thời gian 03 tháng (21/10/2022al).

Ngày 03/8/2022âl bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 300.000.000 đồng việc vay có làm biên nhận do bà C, ông H, bà T ký tên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian trả trong thời gian 03 tháng (03/11/2022al);

Ngày 25/12/2022âl bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 569.000.000 đồng việc vay có làm biên nhận do bà C, ông H, bà T ký tên không thỏa thuận lãi suất không thỏa thuận thời gian trả nhưng cho bên vay hay trước khoảng một thời gian.

Ngày 6/8/2021âl ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 748.000.000 đồng việc vay có làm biên nhận do ông H, bà T ký tên trong biên nhận không có ghi lãi suất và ông H, bà T hứa trả lãi hàng tháng nhưng không nói đóng mỗi tháng bao nhiêu, có thỏa thuận thời gian trả vào ngày 12/12/2021 âl.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 497.000.000 đồng việc vay có làm biên nhận do ông H, bà T ký trong biên nhận không có để ngày vay nhưng có để ngày trả là ngày 22/02/2022 âl.

Như vậy, bà C, ông H, bà T vay của bà T tổng số tiền là 2.424.000.000 đồng. Do có nhu cầu cần vốn làm ăn bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C, ông H, bà T trả nợ, bị đơn chỉ hứa mà không thực hiện trả nợ. Do đó, nay bà đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả lại cho bà T tổng số tiền nợ là 2.424.000.000 đồng. Trong đó yêu cầu bà C trả 100.000.000 đồng; yêu cầu bà C, ông H, bà T trả cho bà T số tiền 1.079.000.000 đồng; yêu cầu ông H, bà T trả cho bà T số tiền 1.245.000.000 đồng. Trước đây trong quá trình giải quyết vụ án bà Túy có yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà đại diện theo ủy quyền bà T rút lại yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ khởi kiện của bà T là 07 biên nhận nợ do bà C, bà T, ông H ký tên.

Bị đơn bà Nguyễn Kim C trình bày: Đối với biên nhận 100.000.000 đồng ngày 07/4/2021, tôi thừa nhận có vay của bà T, chữ ký trong biên nhận là của bà, lãi suất thỏa thuận mỗi ngày bà phải đóng cho bà T là 1.000.000 đồng, việc giao nhận lãi chỉ đưa qua tay không có làm biên nhận.

Bà C thừa nhận cùng với bà T, ông H nợ bà T 510.000.000 đồng, bà đồng ý cùng với ông H, bà T trả cho bà T số tiền này tuy nhiên do đóng lãi quá cao do đó yêu cầu điều chỉnh lãi suất khấu trừ vào số tiền vốn. Đối với số tiền còn lại bà T yêu cầu 1.814.000.000 là tiền lãi nên không đồng ý trả.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa; bà Châu Thị Ngọc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

**Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:*

- Đối với nguyên đơn: Bà Châu Thị Ngọc N đại diện ủy quyền cho nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc T.

- Buộc bà Nguyễn Kim C trả bà Võ Ngọc T 100.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh T liên đới trả bà Võ Ngọc T tổng số tiền 1.079.000.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh T liên đới trả bà Võ Ngọc T số tiền 1.245.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Võ Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn ông bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú: ấp Tân Bình, xã xá Tân Mỹ, huyện CM, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.424.000.000 đồng, chứng cứ khởi kiện là 07 biên nhận nợ cụ thể: Ngày 07/4â/2021, bà C vay 100.000.000 đồng có làm biên nhận do bà C ký tên, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất có thỏa thuận thời gian trả là vào ngày 03/5â/2021; các ngày 14/9â/2022, 21/7â/2022, 03/8â/2022, 25/12â/2022 bà C, ông H, bà T vay với tổng số tiền 1.079.000.000 đồng có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả. Ngoài ra, ông H, bà T có vay 02 lần với tổng số tiền 1.245.000.000 đồng. Sau khi vay, các bị đơn không trả lãi và vốn theo thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả 100.000.000 đồng; bà C, ông H và bà T liên đới trả tổng số tiền 1.079.000.000 đồng; ông H và bà T liên đới trả số tiền 1.245.000.000 đồng.

[2.2]. Bị đơn Nguyễn Kim C thừa nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng; bà C thừa nhận cùng với bà T, ông H vay của bà C số tiền 510.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T khởi kiện là tiền lãi. Do đó chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 610.000.000 đồng.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền vay, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tổng số tiền 2.424.000.000 đồng có làm giấy tờ biên nhận chứng cứ khởi kiện là các giấy nhận nợ của bà C, bà T, ông H. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng chỉ vay số tiền 610.000.000 đồng, thừa nhận có ký vào giấy biên nhận nợ nhưng là tiền lãi do bà T tính xong đưa cho ông bà ký. Xét thấy, tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự do đó phải chịu hậu quả về những quyết định của mình. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ khởi kiện là các giấy biên nhận nợ cho bị đơn đã vay số tiền 2.424.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, các bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và các chứng cứ kèm theo

đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, bà C có thừa nhận nợ vay của T 100.000.000 đồng và nợ chung với ông H, bà T 510.000.000 đồng, số tiền còn lại là số tiền lãi nhưng bà C không đưa cơ sở chứng minh cho lời trình bày nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, có cơ sở xác định giữa bà T với các bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, do các bị đơn vi phạm thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà C trả 100.000.000 đồng; bà C, ông H và bà T liên đới trả tổng số tiền 1.079.000.000 đồng; ông H và bà T liên đới trả số tiền 1.245.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa bà Châu Thị Ngọc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi xuất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử căn Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1]. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[5.2]. Bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc T đối với bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H:

- Buộc bà Nguyễn Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Ngọc T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh T liên đới trả cho bà Võ Ngọc T số tiền 1.079.000.000 (một tỷ, không trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thanh T liên đới trả cho bà Võ Ngọc T số tiền 1.245.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Võ Ngọc T đối với bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Kim C phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Kim C, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H 44.370.000 (bốn mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn H phải chịu 49.350.000 (bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Bà Võ Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 40.240.000 (bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014855 do C cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 12 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CM;
- C cục THADS huyện CM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Phạm Văn Dương